

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2



ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

HÀ NỘI, 2023

Mục lục

1. Giới thiệu về đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt - Trường Đại học sư phạm Hà Nội 24	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	4
1.2. Cơ cấu tổ chức	5
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược	6
2. Khoa Ngữ Văn, trường ĐHSP Hà Nội 2	7
3. Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	9
4. Đội ngũ nhân sự tổ chức bồi dưỡng và thi đánh giá năng lực tiếng Việt.....	12
4.1. Cán bộ quản lý.....	12
4.2. Đội ngũ giảng dạy, biên soạn câu hỏi, đề thi và chấm thi.....	12
4.3. Đội ngũ quản lý câu hỏi thi, đề thi	13
4.4. Đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ việc tổ chức và chấm thi	14
5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ chức thi	15
5.1. Cơ sở vật chất phục vụ thi	15
5.2. Trang thông tin điện tử phục vụ thi	21
5.3. Khu vực làm đề thi	21
6. Ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt	22
6.1. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.....	22
6.2. Xây dựng đề thi	23
7. Điều kiện đảm bảo tổ chức thi trên máy tính	23
7.1. Hệ thống máy tính	23
a) Hệ thống máy chủ.....	23
b) Hệ thống máy trạm	31
7.2. Có phần mềm tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt	32
a) Giới thiệu chung về hệ thống Moodle	32
b) Chức năng chính của Hệ thống Moodle	33
8. Phương thức tổ chức thi	34
8.1. Phương thức tổ chức thi	34
Phương thức thứ nhất: Thi kỹ năng Nghe, Đọc trên máy tính; Thi kỹ năng Viết trên giấy; Thi kỹ năng Nói bằng hình thức vấn đáp trực tiếp.	34
Phương thức thứ hai: Thi kỹ năng Nghe, Đọc, Viết trên giấy; Thi kỹ năng Nói bằng hình thức vấn đáp trực tiếp	34
8.2. Lịch thi dự kiến	34
8.3. Đối tượng dự thi	35
9. Tổ chức thực hiện khi đề án được duyệt	35
9.1. Công khai Đề án được phê duyệt	35
9.2. Kế hoạch tổ chức thi.....	35
9.3. Đăng kí dự thi	35
9.4. Danh sách phòng thi và kết quả bài thi	35
9.5. Quy trình tổ chức thi.....	35
10. Cam kết thực hiện đề án.....	36

ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

*(Kèm theo Tờ trình số/TTr-ĐHSPHN2 ngày.....thángnăm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2)*

1. Giới thiệu về đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Trường ĐHSP Hà Nội 2, một trong bảy trường sư phạm chủ chốt trong cả nước, có lịch sử hơn nửa thế kỷ phát triển, khoa Ngữ văn là một trong những đơn vị đào tạo có uy tín về Sư phạm Ngữ văn và Việt Nam học.

Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Tên tiếng Anh: HANOI PEDAGOGICAL UNIVERSITY 2

Tên viết tắt: HPU2

Website: <http://www.hpu2.edu.vn>

Địa chỉ: Số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số điện thoại liên hệ: 0211 3 863 416

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trường ĐHSP Hà Nội 2 được thành lập năm 1967 theo quyết định số 128/CP ngày 14/8/1967 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 11/10/1975, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ra Quyết định số 872/QĐ về việc cải tạo xây dựng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1 và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 để mỗi trường đều hoàn chỉnh và chuyển Trường ĐHSP Hà Nội 2 lên Xuân Hoà, Sóc Sơn, Hà Nội, nay là Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc. Từ đó, Trường bước vào giai đoạn mới, xây dựng và phát triển toàn diện.

Nhà trường hiện có 308 giảng viên, trong đó có 25 PGS và giảng viên cao cấp, 162 TS, 226 thạc sĩ. Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trẻ chiếm ưu thế, nhiệt huyết, giàu năng lực và khát vọng cống hiến cho các hoạt động nhà trường và của

ngành giáo dục. Nhà trường hiện đang đào tạo 19 ngành bậc Đại học, 17 chuyên ngành bậc Thạc sĩ, 05 chuyên ngành bậc Tiến sĩ và nhiều chương trình bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục. Các chương trình đào tạo được tổ chức linh hoạt, mềm dẻo, đáp ứng nhu cầu và điều kiện học tập khác nhau của người học.

Trong những năm gần đây, trường cử nhiều cán bộ, giảng viên đi làm nghiên cứu sinh, thực tập sinh và hợp tác nghiên cứu sau tiến sĩ (postdoc) tại nhiều quốc gia: Liên bang Nga, Vương quốc Anh, Hà Lan, Italia, Pháp, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, ... Những giảng viên này, một mặt góp phần bổ sung lực lượng có trình độ cao tham gia đào tạo sau đại học, mặt khác tích cực đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

1.2. Cơ cấu tổ chức

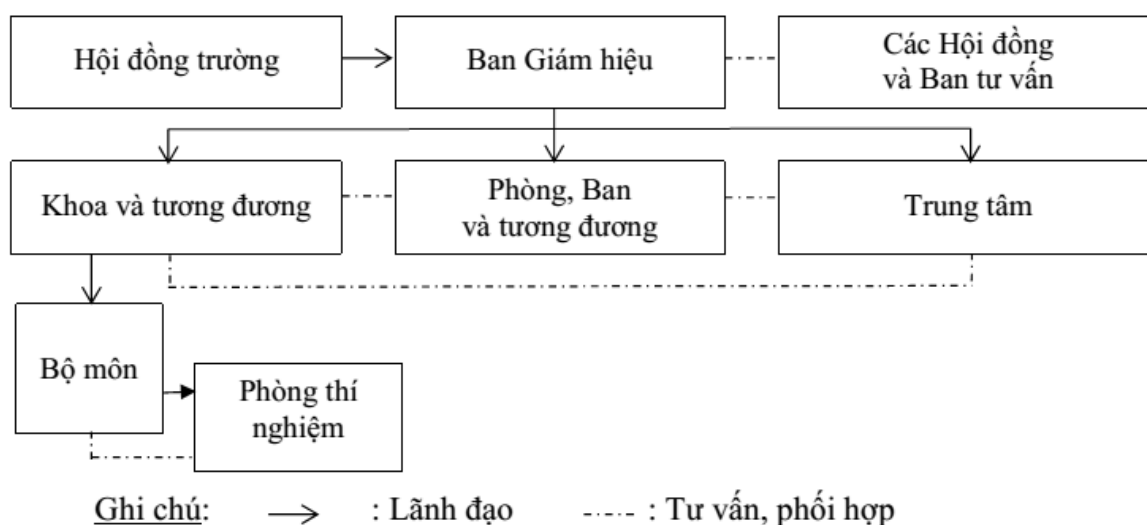
Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHSP Hà Nội 2 gồm:

- 07 phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Công tác chính trị-Học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Tài vụ, Phòng Quản trị đời sống và Phòng Thanh tra.

- 13 đơn vị đào tạo, gồm 13 khoa, viện, 1 tổ bộ môn trực thuộc trường: Khoa Toán, Khoa Vật lý, Khoa Sinh-KTNN, Khoa Ngữ văn, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Giáo dục Mầm non, Khoa Hóa học, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Tiếng Anh, Khoa Tiếng Trung, Khoa Lịch sử, Viện CNTT và Bộ môn Tâm lý Giáo dục.

- 08 đơn vị trực thuộc: Viện Nghiên cứu Sư phạm, Viện NCKH&UD, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm GDQP&AN, Thư viện, Trạm Y tế, Trung tâm Nội trú, Ban Bảo vệ.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC, CƠ CHẾ LÀM VIỆC, CƠ CHẾ PHỐI HỢP



1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có sứ mạng: “Là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học, kỹ thuật trình độ đại học và sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trình độ cao phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn: “Tới năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 sẽ: Trở thành một trong những trường đại học sư phạm hàng đầu của Việt Nam, góp phần vào sự phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên khu vực phía Bắc và cả nước; là trường đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên và kết nối với hệ thống các trường phổ thông, hướng tới các trường đại học sư phạm hàng đầu châu Á. Cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học trình độ cao, đặc biệt là nghiên cứu khoa học giáo dục. Đảm bảo người học tốt nghiệp có chất lượng cao, có năng lực làm việc, thích nghi, sáng tạo và tự học suốt đời.

Kế hoạch chiến lược: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã xây dựng và triển khai thực hiện *Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030*. Đây là văn bản quản lý quan trọng, định hướng cho các hoạt động của Nhà trường theo 07 lĩnh vực:

1. *Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng*
2. *Chương trình đào tạo*
3. *Nghiên cứu, phát triển và đổi mới*
4. *Hoạt động đối ngoại*

5. *Môi trường giáo dục và nguồn lực*

6. *Hỗ trợ giảng dạy*

7. *Hỗ trợ học tập*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cam kết tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt và tổ chức thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược đã đặt ra; quyết tâm đưa Nhà trường trở thành một trong những trường đại học sư phạm hàng đầu của Việt Nam, góp phần vào sự phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên khu vực phía Bắc và cả nước; là trường đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên và kết nối với hệ thống các trường phổ thông, hướng tới các trường đại học sư phạm hàng đầu châu Á.

2. Khoa Ngữ Văn, trường ĐHSPh Hà Nội 2

Khoa Ngữ văn là một trong những đơn vị đào tạo chủ chốt trong trường, được thành lập từ năm 1975, gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của Trường ĐHSPh Hà Nội 2 giai đoạn đào tạo tại Xuân Hòa - Phúc Yên - Vĩnh Phúc. Cơ cấu chuyên môn của Khoa hiện nay gồm 5 bộ môn: Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lí luận văn học, Ngôn ngữ, Phương pháp dạy học Ngữ văn với tổng số 31 cán bộ, viên chức, giảng viên, trong đó có 4 PGS. TS, 21 Tiến sĩ, 04 thạc sĩ, có 6 giảng viên cao cấp, 20 giảng viên chính, 03 giảng viên.

Khoa Ngữ văn là đơn vị có kinh nghiệm trong đào tạo các ngành CNSP Ngữ Văn, CN Văn học, và CN Việt Nam học. Ngành CNSP Ngữ văn ra đời gắn liền với lịch sử 48 năm xây dựng và phát triển của Khoa. Số lượng SV khóa 1 của ngành CNSP Ngữ văn là 323 em, cho đến nay hệ đào tạo CNSP Ngữ văn có quy mô hơn 1000 SV. CTĐT của ngành CNSP Ngữ văn với 135 tín chỉ thuộc các khối kiến thức đại cương, chuyên ngành trang bị kiến thức chuyên sâu cho người học về Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Hán Nôm, các lý thuyết phê bình, ký hiệu văn học cũng như phương pháp giảng dạy Văn - Tiếng Việt. Bên cạnh phát triển những năng lực nền tảng để tiến hành hiệu quả các hoạt động của nghề dạy học, chương trình hướng tới phát triển những năng lực chuyên môn cơ bản của dạy học ngữ văn cũng như các hoạt động nghề nghiệp khác thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và văn học: Năng lực ngôn ngữ, năng lực Văn học, năng lực thẩm mỹ, năng lực văn hóa xã hội, năng lực nghiên cứu khoa học Ngữ văn. Ngành CN Việt Nam học ra đời năm 2006, từ đó đến nay ngành đã đào tạo 17 khóa SV với tổng số trên 500 sinh viên. CTĐT của ngành CN Việt Nam

cung cấp kiến thức chuyên sâu về Việt Nam học (bao gồm: Lịch sử, Địa lí, Xã hội, Tôn giáo-Tín ngưỡng, Thể chế chính trị Việt Nam, Văn học Nghệ thuật,...), nâng cao khả năng vận dụng vào nghiên cứu thực tiễn đất nước và con người Việt Nam; Phát triển các năng lực liên ngành: Năng lực văn hóa; Năng lực ngôn ngữ; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực nghiên cứu khoa học xã hội, đồng thời phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thiết yếu đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp ở một trong các lĩnh vực: Du lịch; Giảng dạy Việt Nam học và Tiếng Việt cho người nước ngoài. Ngành CN Việt Nam học tập trung xây dựng theo hai hướng Việt Nam học du lịch và giảng dạy Việt Nam học, tiếng Việt cho người nước ngoài. Sinh viên ngành CN Việt Nam học ra trường ngày càng chứng minh được năng lực của mình trong các hoạt động nghề nghiệp. Ngành CN Văn học ra đời năm 2004 với mục tiêu đào tạo các nghiên cứu viên, chuyên viên trong các cơ sở giáo dục và trung tâm nghiên cứu KHXH&NV. CTĐT của ngành CN Văn học, ngoài khối kiến thức đại cương, tập trung vào các khối kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về Văn học, Lí luận văn học, Ngôn ngữ học. Tổng số lượng SV đào tạo của ngành là gần 500 sinh viên (18 khóa SV).

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 02 ngành cử nhân: Sư phạm Ngữ văn và Việt Nam học; 04 ngành thạc sĩ (Lí luận văn học, Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam và Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn Tiếng Việt); 01 chương trình tiếng Việt dự bị. Trong 48 năm qua, Khoa Ngữ văn đã đào tạo được gần 6.000 sinh viên chính quy, hơn 50 sinh viên quốc tế; gần 5.000 học viên vừa học vừa làm; hơn 1.000 học viên cao học.

Không chỉ coi trọng công tác đào tạo, Khoa Ngữ văn còn đẩy mạnh hoạt động NCKH, nâng cao chất lượng đội ngũ. Nhiều cán bộ giảng viên trẻ được cử đi đào tạo ở nước ngoài, cũng như tham gia các khóa học nâng cao trình độ do chuyên gia nước ngoài trực tiếp giảng dạy. Nhờ vậy, giảng viên trong khoa có điều kiện nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy và đổi mới phương pháp, tạo niềm đam mê, hứng thú cho người học. Về NCKH, tính từ năm 2001 đến nay, giảng viên của Khoa thực hiện được 01 đề tài song phương, hơn 40 đề tài cấp bộ và cấp tỉnh, gần 100 đề tài cấp cơ sở, nhiệm vụ đặt hàng. Đặc biệt giảng viên trong khoa đã thực hiện nhiều đề tài và công bố nhiều bài báo liên quan đến giảng dạy tiếng Việt. Có thể kể đến một số đề tài và bài viết tiêu biểu như “Các giải pháp khắc phục hiện tượng nói và viết ngọng l/n cho sinh viên khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP Hà Nội 2” (2013), “Hiện tượng đồng nghĩa trong hệ thống

thành ngữ tiếng Việt” (2014), “Thành ngữ và vấn đề sử dụng thành ngữ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt” (2017), “Từ ngữ vay mượn của nhóm ngành kinh tế trong tiếng Việt hiện đại” (2014), “Âm tiết tiếng Việt và việc sử dụng âm tiết trong lời nói”, “Về một hướng dạy từ vựng ngữ nghĩa cho sinh viên ngành Việt Nam học”, “Dạy học Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt cho sinh viên ngành Ngữ văn gắn với đặc trưng văn hóa dân tộc”, “Từ ngữ vay mượn trong nhóm ngành kinh tế”,...

Với những nỗ lực không ngừng của nhiều thế hệ lãnh đạo, giảng viên, nhân viên, năm 2022 ngành CNSP Ngữ văn của Khoa Ngữ văn đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời được xếp hạng đánh giá 4 sao Plus UPM vào năm 2022 và trở thành đơn vị đào tạo vững mạnh, uy tín trong hệ thống các đơn vị đào tạo ngành CNSP Ngữ văn trong cả nước.

3. Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Với vị thế là một trong những Trường ĐHSP chủ chốt cũng như kinh nghiệm lâu năm trong đào tạo ngành CNSP Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã triển khai dạy bổ túc và tăng cường tiếng Việt cho người nước ngoài từ năm 2010. Các lớp học tăng cường và bổ túc được thực hiện cho những giảng viên, sinh viên đến công tác giảng dạy và thực tập chuyên ngành tại Trường. Đối tượng người học đa dạng đến từ các nước Hoa Kỳ, Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan. Đến năm 2020, Trường ĐHSP Hà Nội 2 được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Việt cho người nước ngoài theo Quyết định số 411/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 02 năm 2020 Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp đó, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã ban hành Quy định Tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực 6 bậc dành cho người nước ngoài ở Trường ĐHSP Hà Nội 2 (Ban hành theo Quyết định số 1379/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2). Quy định gồm 8 chương, 27 điều, trong đó quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mục đích quy tắc, đồng thời quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị tổ chức, cá nhân tham gia công tác thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài cũng như các nội dung liên quan như Đăng ký dự thi, hội đồng thi, hình thức và địa điểm tổ chức thi; Đề thi; Tổ chức thi; Chấm thi và phúc khảo; Duyệt kết quả thi, quản

lý cấp phát chứng chỉ, báo cáo và lưu trữ hồ sơ thi; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; Tổ chức thực hiện.

Bên cạnh việc ban hành các văn bản hướng dẫn, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã triển khai dạy tiếng Việt và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo tiếng Việt dành cho người nước ngoài vào năm 2019. Căn cứ khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 01 tháng 9 năm 2015 Khoa Ngữ văn, đơn vị chịu trách nhiệm về chuyên môn đã xây dựng chương trình đào tạo tiếng Việt trong thời gian 10 tháng gồm 20 môn học tương ứng 6 bậc A1, A2, B1, B2, C1, C2, tín chỉ, giờ quy chuẩn (tương ứng giờ lý thuyết, giờ thực hành và giờ tự học) và biên soạn tài liệu giảng dạy cho các môn học chuyên ngành.

Chương trình đào tạo bồi dưỡng có tổng số 1100 giờ và phân phối theo cấu trúc và thời lượng cụ thể như sau:

Phần 1 (Tiếng Việt sơ cấp tương ứng bậc 1, 2 khung năng lực 6 bậc): gồm 500 giờ, đào tạo khả năng tiếp thu, lĩnh hội phát âm, nghe hội thoại ngắn của tiếng Việt.

Phần 2 (Tiếng Việt trung cấp tương ứng bậc 3, 4): gồm 300 giờ, bồi dưỡng cho học viên kiến thức xã hội thông qua các kênh thông tin bằng tiếng Việt, nghiên cứu các tài liệu học thuật bằng tiếng Việt.

Phần 3 (Tiếng Việt cao cấp tương ứng bậc 5, 6) gồm 300 giờ, đào tạo học viên sử dụng tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai.

Sau khi hoàn tất các các phần học nói trên học viên phải hoàn thành các bài kiểm tra tiếng Việt tương ứng từng cấp độ để làm căn cứ đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong học tập và thực tiễn.

Dưới đây là danh mục các môn học tương ứng với trình độ và số giờ học tương ứng đối với mỗi trình độ.

ST T	Cấp độ	Tên các môn	Số giờ
1	Tiếng Việt sơ cấp	Trình độ A1 (Phát âm; Nghe tiếng Việt; Đọc hiểu tiếng Việt; Viết tiếng Việt)	250 giờ /10 tuần

		Trình độ A2 (Khẩu ngữ; Nghe Tiếng Việt; Đọc hiểu tiếng Việt; Đọc báo tiếng Việt Viết tiếng Việt)	250 giờ /10 tuần
2	Tiếng Việt trung cấp	Trình độ B1 (Khẩu ngữ; Nghe tiếng Việt nâng cao Đọc hiểu tiếng Việt Đọc báo tiếng Việt; Viết văn bản tiếng Việt nâng cao)	200 giờ /8 tuần
		Trình độ B2 (Khẩu ngữ; Nghe tiếng Việt nâng cao Đọc hiểu tiếng Việt; Đọc báo tiếng Việt; Viết văn bản tiếng Việt nâng cao)	100 giờ/8 tuần
3	Tiếng Việt cao cấp C1	Tiếng Việt trong tục ngữ, ca dao	150 giờ/ 6 tuần
		Tiếng Việt và phong tục lễ hội ở Việt Nam	
		Tiếng Việt với lịch sử và văn hóa Việt Nam	
		Tiếng Việt trong các loại hình nghệ thuật	
		Tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông	
4	Tiếng Việt cao cấp C2	Tiếng Việt trong công nghệ thông tin	150 giờ/6 tuần
		Tiếng Việt ngành du lịch	
		Tiếng Việt ngành kinh tế	
		Tiếng Việt trên các phương tiện nghe nhìn	
		Tiếng Việt trong tôn giáo	
		Tiếng Việt trong pháp luật	

Giảng viên giảng dạy tiếng Việt cho học viên người nước ngoài trong những năm vừa qua là đội ngũ giảng viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, đến từ các Khoa Ngữ văn, Khoa Giáo dục Tiểu học chuyên ngành Ngôn ngữ, Phương pháp dạy học Văn-Tiếng Việt thuộc Khoa học giáo dục Văn học). Đây là đội ngũ giảng viên có trình độ cao với nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa Ngữ văn cũng đã biên soạn bộ tài liệu giảng dạy và ôn thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài (Từ vựng, ngữ pháp, các tài liệu phục vụ phát triển

kỹ năng nghe, nói, đọc, viết). Để nâng cao năng lực trong kiểm tra đánh giá, Khoa Ngữ văn đã mời chuyên gia tổ chức tập huấn kỹ năng xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài. Ban xây dựng ngân hàng đề thi đã hoàn thành 34 bộ đề, mỗi bộ đề bao gồm 4 kỹ năng. Bộ đề đã được thẩm định, đưa vào sử dụng.

Trong thời gian dịch bệnh Nhà trường đã tổ chức mở các lớp học tiếng Việt online dựa trên công cụ hỗ trợ là Google meet, Zoom. Bên cạnh đó Khoa Ngữ văn cũng xây dựng kế hoạch giảng dạy theo từng giai đoạn phù hợp với đối tượng và tình hình thực tế, tổ chức dạy kết hợp online và trực tiếp. Hiện nay, Nhà trường đã có phần mềm dạy học trực tuyến trên LMS được xây dựng riêng nên 100% học liệu đã có học liệu điện tử.

Trong hai năm 2020, 2021, Nhà trường đã đào tạo tiếng Việt cho 56 người nước ngoài, bồi dưỡng tăng cường cho 47 lưu học sinh và người nước ngoài học tập và công tác tại trường. Nhà trường cũng tổ chức 02 đợt thi đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài với sự tham gia của các học viên đến từ Cameroon, Lào. Các đợt thi được tổ chức và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định có báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả có 41 học viên được cấp chứng chỉ tiếng Việt. *(Minh chứng kèm theo, Phụ lục 1).*

4. Đội ngũ nhân sự tổ chức bồi dưỡng và thi đánh giá năng lực tiếng Việt

4.1. Cán bộ quản lý

Trường có 5 người trong đội ngũ quản lý, chịu trách nhiệm tổ chức thi bao gồm các nhân sự đại diện Ban Giám hiệu, đại diện P. KHCN&HTQT, đại diện Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, đại diện Viện CNTT, ban chủ nhiệm Khoa Ngữ văn.

4.2. Đội ngũ giảng dạy, biên soạn câu hỏi, đề thi và chấm thi

Hiện tại, Trường có 17 giảng viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy tiếng Việt, biên soạn câu hỏi thi, đề thi và chấm thi; bao gồm 3 PGS.TS, 12 Tiến sĩ và 02 Thạc sĩ thuộc các ngành Ngôn ngữ học, Lí luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn hóa học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, và các chuyên ngành khác thuộc Ngữ văn.

Bên cạnh việc chủ trì phát triển chương trình đào tạo ngành cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học, văn hóa Việt Nam, ngành Văn học

chuyên ngành Ngữ văn/tiếng Việt thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, các giảng viên đã có kinh nghiệm trong phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài, tham gia dạy tiếng Việt dự bị đại học và các khoá tiếng Việt ngắn hạn cho người học Lào, Trung Quốc, Cameroon, Ganna,... Đặc biệt, năm 2019, 06 giảng viên bộ môn Ngôn ngữ khoa Ngữ văn đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ về Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

(Xem chi tiết ở phụ lục 2)

4.3. Đội ngũ quản lý câu hỏi thi, đề thi

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có đội ngũ nhân sự quản lý đề thi thuộc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục ban đầu có tên là Trung tâm khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 17/QĐ-TCCB ngày 12 tháng 01 năm 2005. Đến năm 2009 Trung tâm khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục được đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục theo Quyết định số 434/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 23 tháng 9 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục gồm 08 thành viên, trình độ từ thạc sĩ trở lên, gồm 01 tiến sĩ và 07 Thạc sĩ. Về cơ cấu tổ chức, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 6 chuyên viên.

Trung tâm có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục. Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng và trình Hiệu trưởng ký ban hành các văn bản về khảo thí và đảm bảo chất lượng theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng hệ thống công cụ đánh giá: chương trình đào tạo, việc giảng dạy của giảng viên, việc phục vụ của CBVC, việc học tập của người học, việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp; Lập kế hoạch các hoạt động kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục trình Hiệu trưởng quyết định và là đầu mối tổ chức thực hiện; Phối hợp cùng các đơn vị chức năng thực hiện quy trình thi tuyển sinh, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp; Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng, hoàn thiện và quản lý ngân hàng đề thi. Chịu trách nhiệm in sao đề cho các kỳ thi của các khóa, hệ đào tạo theo quy định; Tổ chức chấm thi, chấm phúc tra, phúc khảo và thông báo kết quả thi các môn thi trắc nghiệm. Chịu trách nhiệm lưu trữ bài thi trắc nghiệm theo quy định; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

(Xem danh sách chi tiết ở Phụ lục 2).

4.4. Đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ việc tổ chức và chấm thi

Nhà trường có đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên là cán bộ cơ hữu thuộc Viện CNTT, đáp ứng yêu cầu để sử dụng, vận hành các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức thi và chấm thi. Viện Công nghệ Thông tin được thành lập theo Quyết định 537/QĐ-ĐHSPHN2 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2, trên cơ sở sáp nhập Khoa Công nghệ Thông tin và Trung tâm Tin học & Ngoại ngữ. Hiện nay Viện Công nghệ thông tin có 20 cán bộ cơ hữu, gồm 14 giảng viên và 06 chuyên viên, trình độ từ Thạc sĩ trở lên (06 Tiến sĩ, 14 Thạc sĩ). Về cơ cấu tổ chức, Viện CNTT gồm 01 Viện trưởng, 01 phó viện trưởng và 4 đơn vị thành viên: Bộ môn Khoa học máy tính, Bộ môn Công nghệ phần mềm, Bộ môn Phương pháp và Công nghệ dạy học, Trung tâm Thiết bị - Kỹ thuật.

Viện CNTT thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau: Nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ; đào tạo chuyên gia chất lượng cao ở bậc tiến sĩ và tham gia đào tạo đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin; Là đầu mối tập hợp và khai thác sức mạnh tổng hợp đội ngũ viên chức vào lĩnh vực công nghệ thông tin; Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, quản lý và điều hành hệ thống mạng thông tin, máy tính của Nhà trường; Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ, phổ cập công nghệ mới và cấp chứng chỉ cho các học viên tốt nghiệp các chương trình này; Khai thác và sử dụng trung tâm dữ liệu, dịch vụ, mạng internet để phục vụ công tác quản lý, đào tạo và truyền thông trong và ngoài trường; Cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin; Quản trị hệ thống máy chủ, hệ thống mạng, trang thông tin điện tử (website), phòng máy, máy tính các đơn vị và các thiết bị kỹ thuật của trường; Tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản theo thông tư 03/2014/TT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngay từ năm 2017, Viện CNTT đã tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản trên máy tính cho học viên. Cán bộ của Viện CNTT đã tham gia hỗ trợ và tổ chức nhiều kì thi cấp chứng chỉ chứng chỉ đầu vào, đầu ra ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) trên máy tính. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch covid 19, Viện đã tổ chức thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần cho sinh viên toàn trường ở các hệ đào tạo bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng phần mềm Moodle.

(Xem danh sách chi tiết ở phụ lục 2).

5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ chức thi

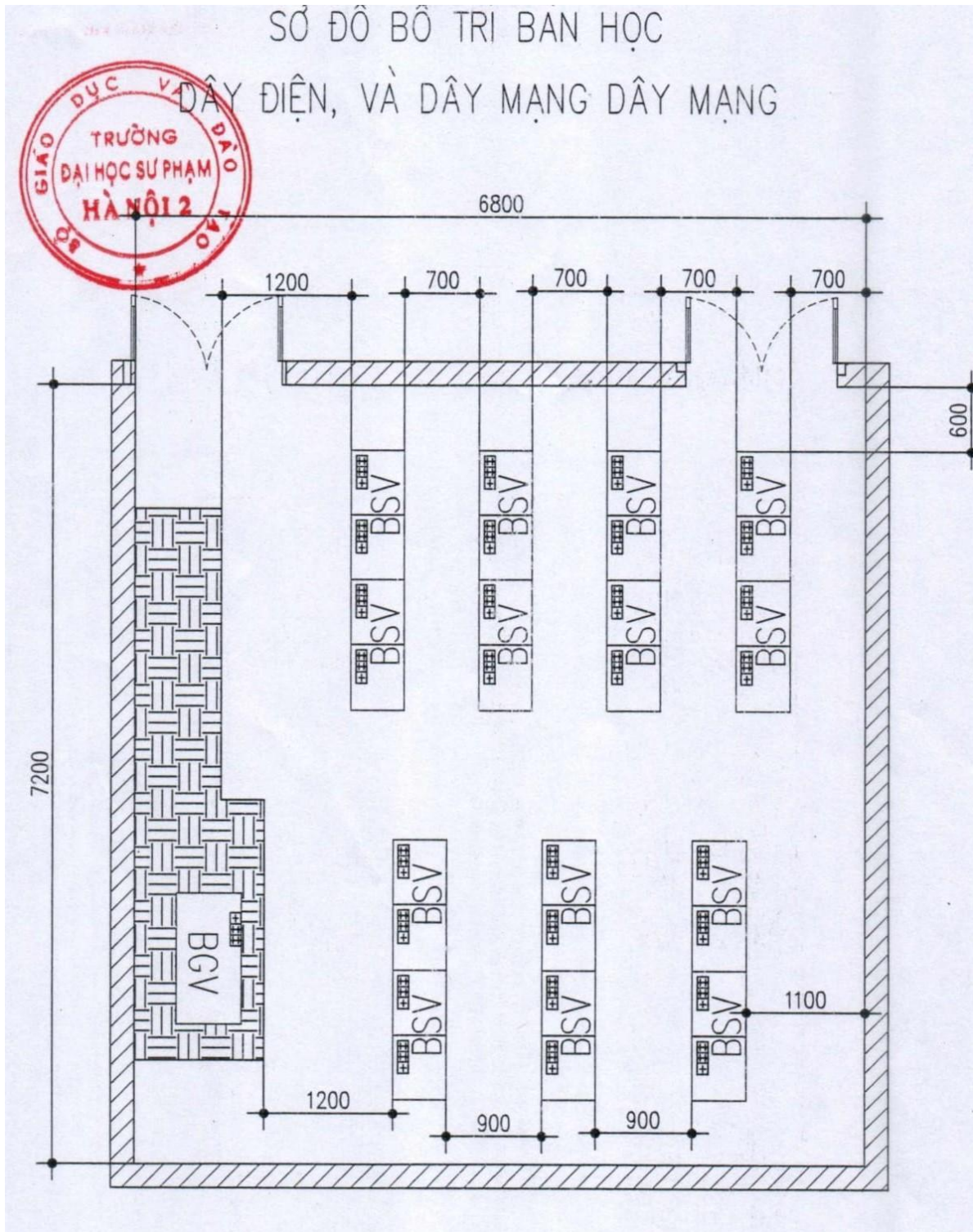
5.1. Cơ sở vật chất phục vụ thi

Trường ĐHSP Hà Nội 2 tổ chức khu vực thi đảm bảo các yêu cầu về an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ. Khu vực này được bố trí tại nhà A4 với 6 phòng thi và các phòng chức năng để tổ chức thi cả 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho ít nhất 100 thí sinh trong một lượt thi.

Số lượng phòng máy tính:

TT	Toà nhà	Tên phòng	Diện tích	Số lượng máy tính	Số chỗ ngồi	Ghi chú
1.	Nhà A4	Phòng máy 01	70m ²	30	24	
2.	Nhà A4	Phòng máy 02	82m ²	30	24	
3.	Nhà A4	Phòng máy 03	58m ²	30	24	
4.	Nhà A4	Phòng máy 04	58m ²	30	24	
5.	Nhà A4	Phòng máy 05	82m ²	30	24	
6.	Nhà A4	Phòng máy 06	70m ²	30	24	
		Tổng	420m ²	180	144	

Sơ đồ bố trí hệ thống máy tính:





Phòng máy tính có vách ngăn di động



Phòng máy tính có vách ngăn cố định

Hệ thống giám sát:

Hệ thống phòng thi có hệ thống camera giám sát không kết nối mạng internet, ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi trong suốt thời gian thi; có đồng hồ dừng chung để tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài; có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình. Cụ thể như sau:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Camera Giám sát		
1.1	Camera Ip ốp trần, hồng ngoại LR2122E4	Camera Full HD 1080P 2MegaPixel Day & Night Indoor Camera with 4mm/F1.6 lens, 0.4Lux, ICR, 3D Noise Reduction, 2D WDR, Digital PTZ, Face/Tampering/Motion Detection alarm, H. 264, Motion JPEG, Multi-Profile Video Streaming, 3-Axis construction, Multiple Stream, DC12V/PoE . 16M IR.	20
1.2	Đầu ghi hình 16 CH Camera IP NVR-116	<ul style="list-style-type: none">- Kết nối 16 camera IP chuẩn 1080P .- Cổng ra HDMI/VGA (1920x1080) kết nối màn hình cảm ứng- Ghi hình: 1080P/720P/D1/VGA- Hỗ trợ 8 khay HDD (Max 24TB), 1 eSata, 2 cổng USB, mở rộng DVD/RW- Cổng mạng RJ45 x 1 (Gigabit), kết nối Internet, 3G.- Hỗ trợ bàn điều khiển: PIH931D- Nguồn 12V, 10A/120W	01
1.3	Ổ cứng chứa dữ liệu Camera Western	Dung lượng: 3TB; Tốc độ vòng quay: 7200RPM	01
2.	Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay		
2.1	Garrett 1165180 - độ chính xác cao	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra và phát hiện các kim loại dạng trung bình là 22cm,	03

		<ul style="list-style-type: none"> • Báo âm thanh & đèn LED hoặc sử dụng tính năng rung khi phát hiện kim loại • Nhiệt độ làm việc : - 37°C - 70°C • Độ ẩm : 95% • Tần số hoạt động : 93KHz • Chính độ nhạy : Tự động • Kích cỡ: Rộng 8.3cm x Dày 4.13cm x Dài 42cm x nặng 500g 	
3.	Tai nghe		
	Tai nghe có khung choàng đầu	<ul style="list-style-type: none"> • Tần số đáp ứng: 20Hz - 20kHz • Chuẩn kết nối: 3.5mm • Mic: Độ nhạy -45±±dB tại 1Khz, 1V/Pa. • Tần số: 200~5000Hz 	250
4.	Máy ghi âm		
		Hãng Sony; Bộ nhớ 16Gb; Cách kết nối: USB; Xuất xứ: Trung Quốc; Năm sản xuất: 2021	20

Tủ bảo quản đồ đạc của thí sinh để bên ngoài phòng thi

Tại tầng 4, nhà A4 nơi thi tổ chức thi trên máy và trên giấy, Nhà trường bố trí hệ thống tủ đựng đồ dùng cá nhân cho các thí sinh tham gia các kì thi đánh giá năng lực tiếng Việt.



Phòng làm việc của Hội đồng thi

Phòng 4.5 tầng 4 nhà A4, có đủ trang thiết bị và đồ dùng cần thiết để phục vụ công tác trực thi, giao nhận đề thi và bài thi; có hòm, tủ hoặc két sắt, có khóa chắc chắn để bảo quản đề thi và bài thi;



5.2. Trang thông tin điện tử phục vụ thi

Nguồn website: <http://www.cteqa.hpu2.edu.vn>

Website có 7 mục, trong đó thi đánh giá năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài được hiển thị tại mục KHẢO THÍ & ĐBCL với tên gọi ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI. Mục này hiển thị các thông tin về:

- + Đề án tổ chức thi đánh giá năng lực theo Khung năng lực tiếng Việt.
- + Định dạng đề thi, đề thi minh họa.
- + Hình thức thi, lịch thi, địa điểm thi.
- + Quy trình tổ chức thi, Đăng ký dự thi, danh sách thi và kết quả thi.

5.3. Khu vực làm đề thi

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có khu vực làm đề thi riêng biệt được bố trí tại nhà 10 với 3 tầng, gồm 15 phòng, trong đó có 4 phòng biên tập đề thi, 01 phòng in sao đề thi, 8 phòng dành cho cán bộ làm công tác ra đề, in sao, 02 phòng an ninh đảm bảo an ninh,

an toàn và bảo mật cho công tác ra đề thi. Đây là địa điểm nhiều năm được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn để thực hiện in sao đề thi đại học, cao đẳng và thi THPT quốc gia.

6. Ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt

6.1. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi

Để triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã ban hành Quyết định số 1202/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 28 tháng 6 năm 2022 thành lập Ban Chỉ đạo, các tiểu ban xây dựng đề án thành lập Trung tâm Khảo thí tiếng Việt cho người nước ngoài, tiểu ban xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.

Ban xây dựng ngân hàng đề thi chuẩn hóa đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài đã xây dựng ma trận, cấu trúc đề đúng theo quy định tại Quyết định số 2097/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Quyết định số 2098/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định phê duyệt Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề thi và chấm thi theo Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Ngân hàng câu hỏi đã được xây dựng bao gồm:

- Kỹ năng Nghe là: 1.650 câu hỏi (trong đó bậc 1 là 450 câu hỏi, bậc 2 – 360 câu, bậc 3 – 300 câu, bậc 4 – 210 câu, bậc 5 – 180 câu, bậc 6 – 150 câu);
- Kỹ năng Đọc là: 1.200 câu hỏi (trong đó bậc 1 là 150 câu, bậc 2 -150 câu, bậc 3 – 180 câu, bậc 4 – 240 câu, bậc 5 – 240 câu, bậc 6 – 240 câu);
- Kỹ năng Nói là: 300 câu hỏi (trong đó bậc 1 là 120 câu, bậc 2 – 120 câu, bậc 3 và 4 – 30 câu, bậc 5 và 6 – 30 câu);
- Kỹ năng Viết là: 90 câu hỏi (trong đó bậc 1 và 2 – 30 câu, bậc 3 và 4 – 30 câu, bậc 5 và 6 – 30 câu).

Tổng số lượng câu hỏi ở cả bốn Kỹ năng đã xây dựng là: 3240 câu hỏi, tổ hợp thành 30 đề thi độc lập. Số lượng câu hỏi thi trùng nhau giữa các đề thi là 0%.

(Xem chi tiết ở phụ lục 3)

6.2. Xây dựng đề thi

Cấu trúc đề thi các phần Nghe, đọc, nói, viết được thực hiện theo QĐ số 2098/QĐ/BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng đề thi và chấm thi theo Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (*Mẫu đề thi xem Phụ lục 3*).

7. Điều kiện đảm bảo tổ chức thi trên máy tính

7.1. Hệ thống máy tính

Nhà trường có hệ thống máy tính gồm máy chủ, các máy trạm, thiết bị bảo mật hợp nhất cho hệ thống, thiết bị lưu trữ dữ liệu, thiết bị lưu điện, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để tổ chức thi trên máy vi tính cho ít nhất 100 thí sinh trong một lượt thi:

a) Hệ thống máy chủ

Nhà trường có phòng máy chủ độc lập để quản lý tất cả các nội dung liên quan đến website và các hệ thống đào tạo.

Hệ thống máy chủ tổ chức thi đảm bảo các yêu cầu về phần cứng cũng như phần mềm:

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

Đáp ứng đầy đủ như thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 Ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng Công nghệ Thông tin trong cơ quan nhà nước, cụ thể như sau:

Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn
1. Tiêu chuẩn về kết nối			
1.	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1
2.	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning
3.		RTSP	Real-time Streaming Protocol
		RTP	Real-time Transport Protocol

	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTCP	Real-time Control Protocol
4.	Truyền thư điện tử	SMTP/MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions
5.	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1
6.	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3
7.	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System
8.	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol
9.	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol
10.	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4
		IPv6	Internet Protocol version 6
11.	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n
12.	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0
13.	Dịch vụ Web	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2
		WSDL V1.1	Web Services Description Language version 1.0

		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3
2. Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
1.	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 th Edition)
		XML v1.1 (2 nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1
2.	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)
3.	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1
4.	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language
5.	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.0	Unified Modelling Language version 2.0
6.	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework
		OWL	Web Ontology Language
7.	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UCS)/Unicode Transformation Format
3. Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
1.	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5
2.	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1

3.	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2
		XSL	Extensible Stylesheet Language version
4.	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2
5.	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma separated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2
6.	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau

		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2
7.	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a
		TIFF	Tag Image File (.tif)
		PNG	Portable Network Graphics (.png)
8.	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3
		AAC	Advanced Audio Coding
9.	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)
10.	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange
11.	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”
12.	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)

		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0
13.	Chuẩn kết nối ứng dụng công nghệ thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)
		JSR 286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0
4. Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
1.	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0
		SSL v3.0	Secure Socket Layer v3.0
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2
2.	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure
		FTPS	File Transfer Protocol Secure
		SFTP	SSH File Transfer Protocol
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure
3.	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions
4.	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP
5.	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2
6.	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES
		3DES	Triple Data Encryption Standard
		RSA	Rivest - Shamir - Adleman

7.	Giải thuật chữ ký số	TCVN 7635:2007	Các kỹ thuật mật mã - Chữ ký số
8.	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2
9.	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0
10.	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing
11.	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification v.2.0
12.	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project v.1.1
13.	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1	Web Services Security v1.1

Thông tin thiết bị và cấu hình tại phòng máy chủ:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hệ thống máy chủ		
1.1	Khung máy chủ HPE Synergy 12000 Frame	06 X 2650W Power Supply. Hỗ trợ cấu hình dự phòng N+N hoặc N+1. Hỗ trợ lên tới 12 máy chủ dạng half-height hoặc 6 máy chủ dạng full-height hoặc 5 thiết bị storage blade trên một khung máy chủ.	01

		Cho phép cấu hình kết nối nhiều module của các khung máy chủ thành một hệ thống, sử dụng chung kết nối tới trung tâm dữ liệu Hiệu năng: 2,56 Tbps bridging fabric.	
1.2	Máy chủ Database + Apps HPE Synergy 480 Genio	Bộ vi xử lý: 02 X Intel Xeon- Platinum 8153 (2.0GHz/16 - core/22MB) Processor. Bộ nhớ trong: 256GB RAM. Ổ cứng 02 X 600GB SAS 10K. Card mạng: 2 Fabric Port 20GbE hỗ trợ Fibre Channel over Ethernet (FCoE) and iSCSI. Mỗi kết nối 20Gb hỗ trợ chia thành 4 NICs và HBA, có thể cấu hình hỗ trợ chuẩn FCoE hoặc iSCSI.	05
1.3	Máy chủ Backup HPE Synergy 480 Genio	Bộ vi xử lý: 02 X Intel Xeon- Platinum 8153 (2.0GHz/16 - core/22MB) Processor. Bộ nhớ trong: 256GB RAM. Ổ cứng 02 X 600GB SAS 10K. Card mạng: 2 Fabric Port 20GbE hỗ trợ Fibre Channel over Ethernet (FCoE) and iSCSI. Mỗi kết nối 20Gb hỗ trợ chia thành 4 NICs và HBA, có thể cấu hình hỗ trợ chuẩn FCoE hoặc iSCSI.	01
2	Hệ thống lưu trữ		
2.1	Hệ thống lưu trữ HPE MSA 2050 Storage	Kiểu dáng: 2U Rackmount Dung lượng lưu trữ: 06 X 1.2TB 10K và 10 X 10TB SAS 7.2K 16GB Data (read/write) cache + system memory per controller	02
2.2	SAN switch	Tốc độ cổng kết nối: 16Gb/s	02

	HPE SN3000B	Tính năng cao cấp hỗ trợ: Fabric Vision Fabric Watch Advanced Performance Monitor Extended Fabric ISL Trunking	
2.3	Tape library HPE StoreEver MSL2024	Giải pháp sao lưu tự động và chi phí hiệu quả đáp ứng một loạt yêu cầu về yêu cầu lưu trữ bao gồm lưu trữ lâu dài, khôi phục thảm họa và sao lưu không giám sát cho các doanh nghiệp thuộc mọi quy mô. Rack: >1U Maximum Capacity (Compressed): Up to 720TB (khi sử dụng LTO-8, 24 slots)	01

Hạ tầng phòng máy chủ (Phòng 4.5 - Nhà A2):



b) Hệ thống máy trạm

Tất cả máy trạm có cấu hình cao, được bố trí hợp lí, sắp xếp hợp lí, được kết nối toàn bộ hệ thống mạng Lan, cài đặt phần mềm bản quyền phù hợp với việc tổ chức thi, cụ thể như sau:

STT	Loại máy	Cấu hình
1.	Dell Optiplex 3020	CPU: Intel® Core™ i3-4160 Ổ cứng: 500GB SATA, 7200 rpm Ram: 4GB 1600MHz DDR3 SDRAM, Ổ quang: DVDRW Card mạng: 10/100/1000 network card
2.	Dell Inspiron 3647	CPU: Intel Core i3 RAM: 4GB Ổ quang: DVDRW HDD: SATA 500GB
3.	Dell Optiplex 5260 AIO	CPU: Intel Core i5 RAM: 8GB Ổ quang: DVDRW HDD: SATA 500GB
4.	Acer X4640G	CPU: Intel Core i5 RAM: 4GB Ổ quang: DVDRW HDD: SATA 500GB

7.2. Có phần mềm tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt

a) Giới thiệu chung về hệ thống Moodle

Moodle là hệ thống phần mềm tổ chức thi. Hệ thống này đã được áp dụng tại nhiều trường trong nước và quốc tế bao gồm các trường học từ giáo dục phổ thông đến đại học, các trung tâm giáo dục, dạy nghề, các cơ sở luyện thi, sát hạch chuyên môn ... Ngoài ra, hệ thống này cũng có thể sử dụng cho từng cá nhân trong việc biên tập ngân hàng câu hỏi và tạo đề thi. Hệ thống hoạt động trên môi trường Web theo mô hình client-server, có thể triển khai trong mạng LAN hoặc Internet.

Hệ thống Moodle đáp ứng các yêu cầu trong việc tổ chức thi và kiểm tra:

- Kiểm tra thường xuyên (nội dung đề thi trong một số nhóm kiến thức như chương, bài);
- Thi kết thúc học phần (nội dung đề thi bao hàm toàn bộ nội dung môn học);

- Tạo đề thi, đề kiểm tra với các mức độ khác nhau theo ma trận trọng số cho các trình độ khác nhau (đại học, cao đẳng, ...);
- Tổ chức thi với mục đích khác nhau (ôn luyện, thi thử, thi thật, ...).

Hệ thống Moodle có nhiều tính năng vượt trội, giải quyết tốt các vấn đề quản trị trong thi, kiểm tra trắc nghiệm như: biên tập ngân hàng câu hỏi với nhiều loại câu hỏi và nhiều dạng nội dung; tạo đề thi, đề kiểm tra ngẫu nhiên và khách quan, giữ bí mật đề thi, đề kiểm tra; tạo các ca thi, kiểm tra và danh sách thí sinh; tự động lưu bài thi, nhật ký làm bài và chấm điểm; giám sát phòng thi, lập bảng điểm, in danh sách thí sinh dự thi, in bảng điểm.

b) Chức năng chính của Hệ thống Moodle

Quản trị danh mục và hệ thống: thực hiện các công việc

- Cập nhật môn thi
- Cập nhật giảng viên
- Cập nhật quyền sử dụng
- Cập nhật nhóm tài khoản thí sinh
- Cập nhật tài khoản thí sinh
- Cập nhật thông tin kỳ đào tạo
- Nhập dữ liệu
- Sao lưu/Khôi phục
- Xem nhật ký sử dụng
- Tùy biến giao diện

Quản trị ngân hàng đề thi: thực hiện các công việc

- Quản lý ngân hàng đề thi
- Biên soạn câu hỏi
- Quản lý khối kiến thức
- Cập nhật câu hỏi
- Cập nhật nhóm câu hỏi
- Chèn hình ảnh vào nội dung câu hỏi và nhóm câu hỏi
- Chèn công thức toán học vào nội dung câu hỏi và nhóm câu hỏi
- Chèn audio/video vào nội dung nhóm câu hỏi
- Nhập câu hỏi từ word

- Quản lý đề thi
- Chỉnh sửa câu hỏi trong đề thi

Quản lý thi: thực hiện các công việc

- Tạo lập ca thi
- Kích hoạt ca thi
- Nhập danh sách thí sinh vào phòng thi
- Theo dõi ca thi
- Phân công chấm tự luận
- Xuất, in bảng điểm
- Xuất trả lời của thí sinh
- Sao lưu bài thi
- Xem thống kê điểm
- Xem thống kê trả lời

Về cơ bản, hệ thống tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính dựa trên nền tảng Moodle có thể đáp ứng các yêu cầu trong quản lý ngân hàng câu hỏi đề thi và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

8. Phương thức tổ chức thi

8.1. Phương thức tổ chức thi

Trường tổ chức thi theo một trong các phương án tùy thuộc vào điều kiện thực tế ở mỗi lần thi:

Phương thức thứ nhất: Thi kỹ năng Nghe, Đọc trên máy tính; Thi kỹ năng Viết trên giấy; Thi kỹ năng Nói bằng hình thức vấn đáp trực tiếp.

Phương thức thứ hai: Thi kỹ năng Nghe, Đọc, Viết trên giấy; Thi kỹ năng Nói bằng hình thức vấn đáp trực tiếp

Trong đó, Nhà trường ưu tiên tổ chức thi theo phương thức thứ nhất. Phương thức thi được thông báo cho thí sinh trước khi thí sinh nộp hồ sơ và được ghi rõ trong Kế hoạch tổ chức thi.

8.2. Lịch thi dự kiến

Từ tháng 10/2023, Nhà trường dự kiến sẽ tổ chức thi cấp chứng chỉ tiếng Việt tho nhiệm vụ được Bộ GD&ĐT giao. Dự kiến như sau:

TT	Tháng	Ngày trong tháng	Thứ trong tuần	Bài thi bậc	Phương thức thi
1	Tháng 10	21, 22	Thứ 7, CN	2, 3, 4, 5	Phương thức thứ nhất
2	Tháng 11	25, 26	Thứ 7, CN	2, 3, 4, 5	Phương thức thứ nhất
3	Tháng 12	23, 24	Thứ 7, CN	2, 3, 4, 5	Phương thức thứ nhất

8.3. Đối tượng dự thi

Đối tượng dự thi là người nước ngoài có nhu cầu được thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực 6 bậc cho người nước ngoài

9. Tổ chức thực hiện khi đề án được duyệt

9.1. Công khai Đề án được phê duyệt

Khi Đề án được duyệt, Trường sẽ công khai Đề án tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài trên trang thông tin điện tử của Trường.

9.2. Kế hoạch tổ chức thi

Trường dự kiến tổ chức mỗi năm từ 2-3 đợt thi (tháng 4, tháng 7, tháng 9) tập trung đáp ứng nhu cầu cho lưu học sinh đang học dự bị tiếng Việt tại Trường, tại tỉnh Vĩnh Phúc và các doanh nghiệp, các trường đối tác khác.

9.3. Đăng kí dự thi

Hồ sơ đăng kí dự thi gồm:

- Phiếu đăng kí dự thi;
- 01 bản sao Hộ chiếu và tem visa (nếu có);
- 02 ảnh cỡ 4x6 được chụp không quá 6 tháng trước khi đăng kí dự thi, mặt sau ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh.

Mẫu phiếu đăng kí dự thi theo mẫu đính kèm (*Phụ lục 4*).

9.4. Danh sách phòng thi và kết quả bài thi

Thí sinh tra cứu danh sách phòng thi, địa điểm thi, giờ thi, số báo danh, kết quả thi tại website <https://cteqa.hpu2.edu.vn> của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trường ĐHSP Hà Nội 2.

9.5. Quy trình tổ chức thi

Bước 1: Gửi báo cáo về việc tổ chức thi về Cục Quản lí chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo, ra thông báo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người

nước ngoài, gửi các đơn vị có nhu cầu và đăng trên trang web của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong thông báo ghi rõ thời gian, địa điểm, hình thức thi, lệ phí thi.

Bước 2: Thu, nhận hồ sơ.

Bước 3: Thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ và thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia thi trên trang web của Trường.

Bước 4: Ban hành Kế hoạch tổ chức thi, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức thi.

Bước 4: Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thi và các ban của Hội đồng thi.

Bước 5: Hội đồng thi và các ban của Hội đồng thi thực hiện công tác chuẩn bị cho kì thi đúng quy định.

Bước 6. Trước ngày thi 1 ngày, tổ chức làm đề thi ở khu vực làm đề thi theo quy định.

Bước 7. Tổ chức thi theo hình thức và thời gian đã thông báo.

Bước 8. Tổ chức chấm thi và thông qua kết quả thi.

Bước 9. Thông báo cho thí sinh tra cứu kết quả điểm thi trên phần mềm của Trường.

Bước 10. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Trường nhận đơn phúc khảo và chấm phúc khảo (nếu có).

Bước 11. Sau khi có kết quả phúc khảo trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Hội đồng thi tổng hợp kết quả thi, xếp bậc năng lực tiếng Việt đạt được của thí sinh theo quy định về quy đổi điểm sang các bậc năng lực tiếng Việt do Bộ GDĐT ban hành, trình Hiệu trưởng duyệt kết quả thi.

Bước 12. Ngay sau khi kết quả thi được duyệt, công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử của Trường.

Bước 13. Hiệu trưởng duyệt danh sách cấp chứng chỉ tiếng Việt và Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường tổ chức in, cấp phát chứng chỉ cho thí sinh theo quy định.

Bước 14. Lưu trữ hồ sơ thi theo quy định và gửi báo cáo kết quả thi cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Cam kết thực hiện đề án

Nội dung cam kết của Trường ĐHSP Hà Nội 2 khi được triển khai đề án:

- Đảm bảo nhân sự quản lí và nhân sự chuyên môn đúng quy định;
- Đảm bảo tiêu chí về cơ sở vật chất; Đảm bảo quy chế quản lí, sử dụng hệ thống cơ sở phục vụ thi đánh giá năng lực tiếng Việt của đơn vị;
- Đảm bảo quy trình xây dựng bộ câu hỏi, Ngân hàng đề thi và đề thi cho từng đợt thi;
- Đảm bảo quy trình giám sát Phần mềm quản lí Ngân hàng câu hỏi đề thi - Đảm bảo quy trình quản lí, vận hành trang thông tin điện tử và cập nhật thông tin về từng đợt thi;
- Thực hiện tốt văn hóa đảm bảo chất lượng trong công tác tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt tại đơn vị.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG